

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.*

*Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.*

*Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.*

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

*Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.*

- a) Dự toán mua sắm: Mua sắm trang thiết bị theo Đề án năm 2025;
- b) Gói thầu: Mua sắm trang thiết bị theo Đề án năm 2025;
- c) Chủ đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- d) Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước;
- e) Hình thức/ phương thức LCNT: Đấu thầu rộng rãi qua mạng 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;
- f) Giá gói thầu: 2.052.000.000 VND (đã bao gồm toàn bộ hàng hóa, chi phí thuế liên quan, vận chuyển và giao hàng và các dịch vụ khác);
- g) Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- h) Địa điểm giao hàng: các xã/phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (chi

tiết theo yêu cầu của Chủ đầu tư khi thực hiện hợp đồng).

i) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

k) Giới thiệu quy mô gói thầu, chủng loại hàng hóa được duyệt:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Máy Photocopy	Cái	3	
2	Máy In	Cái	27	
3	Bộ sản phẩm máy quay	Bộ	12	

### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:*

**a) Yêu cầu về kỹ thuật chung** là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

**a1) Khai thông tin hàng hóa trên webform** (chi tiết theo yêu cầu tại Mẫu số 10B trên webform và được trích xuất sang mẫu số 12.1A, E-HSMT).

- **Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa:** Hàng hóa dự thầu phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo truy xuất được nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, không nhầm lẫn hàng hóa khác.

- **Thông số kỹ thuật cơ bản/thông số chính của hàng hóa:** Nhà thầu có trách nhiệm kê khai Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa đúng với Thông số kỹ thuật, của nhà sản xuất (không copy Thông số kỹ thuật từ E-HSMT).

**a2) Tài liệu chứng minh chất lượng của hàng hoá:** Nhà thầu chứng minh bằng 1 trong 2 cách sau:

- **Cách 1: Cung cấp đầy đủ các tài liệu sau và có bản dịch tiếng Việt đơn vị hợp pháp đính kèm:**

+ Giấy chứng nhận chất lượng (CQ);

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng (CO);

+ Chứng chỉ hợp quy – hợp chuẩn (CR/CC).

- **Cách 2:** Cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu như Cách 1 trước khi tiến hành giao hàng.

**b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể** như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ,

catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT.

**b1. Thông số kỹ thuật cụ thể (đặc tính kỹ thuật chi tiết, tiêu chuẩn sản xuất, tính năng sử dụng):**

Nhà thầu đính kèm đề xuất kỹ thuật hàng hóa dự thầu đáp ứng yêu cầu sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Máy photocopy	<p>Cấu hình của máy: Copy, in mạng, Scan màu            Bộ vi xử lý: <math>\geq 1.7</math> GHz            Trữ lượng giấy (A4, 80 gsm): <math>\geq 4.200</math> tờ (2 khay x 1500 tờ, 2 khay x 550 tờ, 100 tờ khay tay)            Thời gian khởi động: <math>\leq 15</math> giây            Khổ giấy: Tối thiểu A6, Tối đa A3            Bộ nhớ tiêu chuẩn: <math>\geq</math> Ram 4GB            Ổ cứng: <math>\geq 256</math> GB (SSD)  <b>*Chức năng copy:</b>            Chức năng đảo 2 mặt bản sao tự động: Có sẵn            Bộ nạp và đảo 2 mặt bản gốc tự động: Có sẵn            Tốc độ sao chụp: <math>\geq 85</math> trang/phút (khổ A4)            Thời gian copy bản đầu tiên: <math>\leq 3,1</math> giây            Phóng thu: 25 – 400%            Quét ảnh 1 lần, sao chụp nhiều lần, tự động đảo mặt bản sao, tự động đảo mặt bản gốc: Có sẵn            Sao chụp liên tục: <math>\geq 9.999</math> bản            Chia bộ điện tử: Có sẵn  <b>*Chức năng in:</b>            In qua mạng, in từ thiết bị di động : Có sẵn            Tốc độ in: <math>\geq 85</math> trang/phút (khổ A4)            Độ phân giải in: 1200 x 1200 dpi            Giao diện kết nối: 1000Base-T/100Base-TX/10Base-T, USB  <b>*Chức năng scan:</b>            Tốc độ scan (trắng đen/màu): <math>\geq 135</math> trang/phút (1 mặt), <math>\geq 270</math> trang/phút (2 mặt)            Kiểu quét: Quét đen trắng, quét màu, quét cặp tia Laser            Scan mạng: Có sẵn            Scan màu 2 mặt cùng lúc: Có sẵn            Scan tới: Thư mục, Email, SMB, FPT, USB</p>

		<p><b>*Chức năng đặc biệt:</b> Màn hình màu cảm ứng màu 10.1 inch, quản lý người dùng, in/Scan từ USB  Định mức cụm trống: <math>\geq 2.000.000</math> trang  Bảo hành: <math>\geq 02</math> năm hoặc 1.000.000 bản in (Tùy điều kiện nào tới trước)</p>
2	Máy in	<p>Chức năng: In mạng  Tốc độ sao chụp liên tục (A4): <math>\geq 43</math> bản/phút (1 mặt), <math>\geq 36</math> trang/phút (2 mặt)  Bộ nhớ tiêu chuẩn: <math>\geq 1</math>GB  Tốc độ scan: <math>\geq 38</math> trang/phút (1 mặt), <math>\geq 70</math> trang/ phút (2 mặt);  Scan tới: E-mail, SMB, FTP  Thời gian sao chụp bản đầu tiên: <math>\leq 6.4</math> giây  Thời gian khởi động: <math>\leq 20</math> giây  Khổ giấy: A4, B5, A5, A5R, A6  Màn hình cảm ứng: <math>\geq 5</math> inch  In ấn trực tiếp từ ổ USB: Có sẵn  Công kết nối: 1000Base-T/100Base-TX/10Base-T, Wireless LAN (IEEE 802.11b/g/n), Wi-Fi Direct Connection, 3 x USB 2.0  Sao chụp liên tục: 999 tờ  Trữ lượng giấy (A4, 80gsm): 1 khay x 550 tờ, khay tay 100 tờ  Tiêu thụ điện: <math>\leq 1,420</math>W  Định lượng hộp mực: <math>\geq 18.500</math> trang  Bảo hành: <math>\geq 03</math> năm hoặc 180.000 bản (tùy điều kiện nào tới trước)</p>
3	Bộ sản phẩm máy quay	<p>Định dạng ghi hình L AVCHD, MP4  Màn hình cảm ứng : <math>\geq 3.0</math>" , độ phân giải 921.600 điểm  Ống kính: 26.8-536mm (trên 35mm), khẩu độ f/2 - f/3.8  Zoom quang học : <math>\geq 20</math>x; zoom rõ ảnh 30x (4K), 40x (HD)  Chế độ ổn định hình ảnh: chống rung 5 trục  Chức năng chụp hình: Có sẵn  Âm thanh: Micro tích hợp  Hỗ trợ kết nối : Wifi IEEE 802.11b/g/n, NFC  Tốc độ màn trập: Phạm vi điều khiển tự động 1/6-1/10000  Thẻ nhớ lưu trữ: Dung lượng 64GB, tốc độ ghi 299 MB/s, tốc độ đọc 300MB/s; Khả năng chống bụi và chống nước tiêu chuẩn IP68  Micro: Tám chế độ ghi âm (thu siêu định hướng; thu định hướng; thu toàn hướng; thu âm nổi trái phải; thu phía trước và phía sau; chỉ thu phía sau; thu hướng trước góc rất hẹp; ghi riêng 2 kênh trước sau để mix sau)  Ghi tốc độ cao: 100p/1920x1080, 100/60 Mbps  Sạc đi kèm: Có sẵn  Bảo hành: <math>\geq 01</math> năm</p>

*Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết).*

*[Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật]: Không có.*

**b2) Tài liệu đính kèm chứng minh thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất của hàng hóa.**

Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau đây để chứng minh thông số kỹ thuật cơ bản mà nhà thầu đã kê khai trên webform và đề xuất kỹ thuật chi tiết theo yêu cầu tại điểm b1, khoản 1.2, Mục 1, Chương V, E-HSMT nêu trên là đúng với thông số kỹ thuật công bố của nhà sản xuất:

- Catalog hàng hóa chính thức của nhà sản xuất (có xác nhận của nhà sản xuất hoặc thông tin đăng tải trên trang Web chính thức của nhà sản xuất hoặc bảng tự công bố sản phẩm của nhà sản xuất,..., hoặc xác nhận/công bố của nhà phân phối chính thức trong trường hợp nhà sản xuất có ủy quyền cho nhà phân phối xác nhận thông số kỹ thuật của hàng hóa.

- Hình ảnh hàng hoá rõ nét (ảnh màu), có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và thông tin nhãn mác phù hợp với thông tin nhà sản xuất công bố.

- Các tài liệu kiểm nghiệm/kiểm tra tiêu chuẩn sản xuất, Quy chuẩn của nhà sản xuất (nếu có);

- Bảng dịch sang Tiếng Việt của đơn vị dịch hợp pháp nếu tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

*((Trường hợp nhà thầu không có đủ tài liệu chứng minh thông tin kê khai là đúng và bản dịch tiếng Việt đính kèm thì Nhà thầu có thể cam kết Thông số kỹ thuật kê khai là đúng TSKT từ nhà sản xuất, chịu trách nhiệm về TSKT đã kê khai và sẽ cung cấp tài liệu chứng minh khi được mời đối chiếu tài liệu (nếu có). Khi được mời đối chiếu nhà thầu không cung cấp được tài liệu chứng minh thì Tổ chuyên gia sẽ kiến nghị Chủ đầu tư xem xét nhà thầu kê khai không trung thực)).*

**b3. Tài liệu chứng minh hàng hóa dự thầu có những thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất khác với thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn được nêu tại điểm b1, khoản 1.2 nêu trên:**

Khi hàng hóa dự thầu có những thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất chi tiết khác với thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất hàng hóa mời thầu, nhà thầu phải có bảng thống kê các khác biệt và phân tích, đánh giá, cung cấp tài liệu chứng minh các điểm khác biệt là tương đương, đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Tài liệu phải đủ cơ sở khoa học để đánh giá là đáp ứng yêu cầu.

Các tài liệu nhà thầu đính kèm:

+ Nhà thầu liệt kê những điểm sai khác, ngoại lệ (nếu có) so với yêu cầu tại điểm b1/b nêu trên và lập Bảng so sánh, phân tích, giải thích và đính kèm tài liệu (nếu có) để chứng minh những TSKT, tiêu chuẩn sai khác vẫn đáp ứng thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất là đáp ứng yêu cầu E-HSMT (Nhà thầu chỉ liệt kê những Thông số kỹ thuật, thành phần, tính năng sử dụng có sự khác nhau so với yêu cầu

E-HSMT)

\* Nhà thầu lập Bảng so sánh theo Mẫu sau:

T T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu tại E-HSMT	Hàng hóa chào thầu			Tài liệu chứng minh (nếu có)	Ghi chú
			Thông số kỹ thuật, ...	Phân tích/đánh giá	Cơ sở phân tích		
1	Hàng hóa 1	Tiêu chí 1	Tiêu chí 1				
		Tiêu chí 2	Tiêu chí 2'				

*(Ghi chú: Đối với thông số kỹ thuật khác biệt của một loại hàng hóa nào đó trong yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT thì nhà thầu chỉ ra và cung cấp tài liệu chứng minh các thông tin nhà thầu cung cấp là có cơ sở để Tổ chuyên gia xem xét có áp dụng hoặc không áp dụng tiêu chí đó khi đánh giá E-HSDT theo quy định của Luật đấu thầu.*

*Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tính chính xác thông tin nhà thầu cung cấp. Trường hợp nhà thầu không có tài liệu chứng minh hoặc thông tin nhà thầu cung cấp là không chính xác có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì Tổ chuyên gia xem xét kiến nghị xử lý nhà thầu cung cấp thông tin không trung thực theo quy định).*

### **1.3. Các yêu cầu khác**

**a. Yêu cầu về phương án cung cấp hàng hóa:** Nhà thầu có đề xuất phương án cung cấp hàng hóa đến tất cả các địa điểm giao hàng theo Hợp đồng trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu E-HSMT, bao gồm:

- Phương án kiểm tra, bốc xếp, vận chuyển hàng hóa và bàn giao lắp đặt, chạy thử đảm bảo chất lượng đến người sử dụng cuối cùng.
- Phương án bố trí nhân sự trong quá trình giao hàng, cài đặt, hướng dẫn sử dụng.

### **b. Yêu cầu về phương án cung cấp dịch vụ sau bán hàng:**

Nhà thầu đính kèm phương án cung cấp dịch vụ bảo hành gồm các nội dung chính theo 1 trong 2 cách sau:

**b1. Nhà thầu có đủ năng lực thực hiện bảo hành:** Trường hợp nhà thầu Có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa

*chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT:*

- Tài liệu chứng minh Nhà thầu có đủ điều kiện bảo hành (năng lực, kinh nghiệm, có ủy quyền của nhà sản xuất)
- Thời gian bảo hành: Đảm bảo phù hợp tối thiểu với yêu cầu kỹ thuật tại điểm b1, khoản 1.2 , Mục 1, Chương V, E-HSMT.
- Tiếp nhận, xử lý Thông tin yêu cầu bảo hành;
- Tiếp nhận và bàn giao sản phẩm bảo hành tại địa điểm người sử dụng.
- Phương án sửa chữa, thay thế thiết bị trong thời gian bảo hành, đảm bảo người dùng không bị gián đoạn công việc.
- Phương án bảo trì, bảo dưỡng trong thời gian bảo hành.
- Chi phí trong thời gian bảo hành.

***b2. Nhà thầu không đủ năng lực bảo hành :*** *Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT:*

- Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ điều kiện thực hiện bảo hành để bảo hành sản phẩm.
- Tài liệu chứng minh đơn vị có đủ điều kiện bảo hành (năng lực, kinh nghiệm, có ủy quyền của nhà sản xuất,...).
- Thời gian bảo hành: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu nêu tại điểm b1, khoản 1.2 , Mục 1, Chương V, E-HSMT.
- Tiếp nhận, xử lý Thông tin yêu cầu bảo hành;
- Tiếp nhận và bàn giao sản phẩm bảo hành tại địa điểm người sử dụng.
- Phương án sửa chữa, thay thế thiết bị trong thời gian bảo hành, đảm bảo người dùng không bị gián đoạn công việc.
- Phương án bảo trì, bảo dưỡng trong thời gian bảo hành.
- Chi phí trong thời gian bảo hành.

### **c. Yêu cầu về Cam kết thực hiện gói thầu:**

Nhà thầu có cam kết hàng hóa dự thầu đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hàng hóa đều mới 100%, mới được sản xuất và có các phụ kiện đính kèm là đồng bộ thương hiệu với nhà sản xuất, .
- Linh kiện, thiết bị khi thay thế (nếu có) là hàng chính hãng, đồng bộ của Nhà sản xuất.

- Hàng hoá, thiết bị là sản phẩm đã được sử dụng rộng rãi trên thị trường Việt Nam;

- Cung cấp hàng Mẫu theo yêu cầu của Chủ đầu tư để thử nghiệm, kiểm tra thông số kỹ thuật trước khi ký hợp đồng (nếu có thông báo mời hoàn thiện để ký hợp đồng).

## **Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây [trường hợp không có bản vẽ kèm theo thì phải ghi rõ “Không có bản vẽ”]:

<b>Danh mục bản vẽ</b>		
<b>Bản vẽ số</b>	<b>Tên bản vẽ</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra pháp lý: Tài liệu chứng nhận theo quy định, chứng từ nhập khẩu (đối với hàng nhập khẩu), hoá đơn, vận chuyên,...
- Kiểm tra bên ngoài: Hình thức, nhãn mác, tình trạng vỏ, cáp, phụ kiện.
- Kiểm tra kỹ thuật: Các thông số vận hành (điện áp, áp suất, nhiệt độ, tốc độ, dung lượng, độ chính xác...).
- Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị kiểm tra độc lập để thực hiện kiểm tra trước khi tiếp nhận hàng hóa.